

VỀ NƯỚC ĐẠI RUMANI (ROMÂNIA MARE, 1918-1940)

ĐÀO TUẤN THÀNH*

1. Khái quát về lịch sử nước Đại Ruman (1918 - 1940)

Vào cuối năm 1918, việc thống nhất về mặt chính trị các vùng lãnh thổ có đại đa số người Ruman sinh sống với Vương quốc Ruman (1) đã đưa đến sự ra đời của nước Đại Ruman (România Mare). Cụ thể, ngày 7 tháng 3 đến 9 tháng 4 năm 1918, tại Chisinau (2), Hội đồng cố vấn của đất nước đã quyết định thống nhất “*nước Cộng hòa Dân chủ Moldova (Basarabia) vào đất mẹ Ruman mãi mãi*” (3). Ngày 27 tháng 10, Hội nghị Lập hiến của Bucovina (4) đã thông qua quyết định: “*thống nhất toàn bộ Bucovina với các công quốc Ruman khác trong một nhà nước dân tộc độc lập*” (5). Ngày 1 tháng 12 năm 1918, Đại hội nghị dân tộc họp ở Alba Iulia đã ra tuyên bố khẳng định thống nhất tất cả mọi người Ruman ở Transilvania (6), Banat (7), Crisana và Maramures với Vương quốc Ruman một cách vĩnh viễn.

Sự thống nhất Basarabia, Bucovina, Transilvania, Banat, Crisana và Maramures với “đất mẹ Ruman” đã được các cường quốc thắng trận phê chuẩn thông qua việc kí kết các hiệp ước hòa bình sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, trong đó

quan trọng nhất là Hiệp định Pari kí giữa Ruman và các cường quốc đồng minh chính (Anh, Pháp, Italia, Nhật Bản) ngày 28 tháng 10 năm 1920 (8).

Thành tựu mà nhân dân Ruman giành được năm 1918 có thể coi là đỉnh cao của cuộc đấu tranh nhằm *hoàn thành quá trình thống nhất quốc gia dân tộc* (được khởi xướng từ năm 1859). Thành công này đặt trong bối cảnh chung của châu Âu: sau khi Chiến tranh thế giới thứ Nhất kết thúc, hàng loạt các cường quốc đế quốc biến mất trên bản đồ chính trị châu Âu (Nga, Ottoman, Áo - Hung, Đức) và trên đồng cỏ nát ấy, nhiều nhà nước dân tộc độc lập đã ra đời: Phần Lan, Látvia, Litva, Êxtônia, Tiệp Khắc, Áo, Hunggari. Trường hợp Ruman và Xécbia lại là những nước được hưởng lợi từ hệ thống Hòa ước Vécxai thông qua việc lãnh thổ được mở rộng.

Sau khi hoàn thành quá trình thống nhất quốc gia dân tộc, Ruman trở thành nước trung bình ở châu Âu, diện tích tăng từ 138.000 km² năm 1915 lên 259.049 km², xếp vị trí thứ 10 ở châu Âu, là nước lớn nhất ở khu vực (9). Về địa lí, nước Đại Ruman nằm ở trung tâm châu Âu, nằm giữa dãy Uran và Đại Tây Dương, có 3

*TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

400,3km đường biên giới, trong đó có 601,4km với Bungari, 557,3km với Nam Tư, 428km với Hunggari, 201km với Tiệp Khắc, 346,6km với Ba Lan, 812km với Liên Xô và 454km tiếp giáp với biển Đen.

Dân số nước Đại Rumani tăng từ 7,9 triệu dân năm 1915 lên 14,7 triệu năm 1919 và đến năm 1930 có 18 triệu dân, xếp thứ 8 ở châu Âu (10). Bảng thống kê dưới đây cho thấy rõ dân số, diện tích của các vùng lãnh thổ hợp thành nước Đại Rumani vào năm 1930 (Xem bảng 1).

Kết quả của thống kê dân số năm 1930 cho thấy thành phần *dân tộc* (11) của nước Đại Rumani như sau: Rumani chiếm 71,9%, Hunggari - 7,9%, Đức - 4,1%, Do Thái - 4%, Ruteni và Ucraina - 3,2%, Nga - 2,3%, các dân tộc thiểu số khác chiếm dưới 1% (12).

Khoảng thời gian 22 năm tồn tại của nước Đại Rumani (1918 - 1940) là giai đoạn nước Đại Rumani phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ trên con đường tư bản chủ nghĩa so với giai đoạn trước cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất nhờ những tiềm năng phát triển kinh tế ở vương quốc

Rumani cũ (gồm Muntenia và Moldova) đã được bổ sung thêm những thế mạnh của những vùng lãnh thổ mới sáp nhập (Basarabia có nhiều vùng chuyên canh trồng nho, đất nông nghiệp màu mỡ, Bucovina giàu tiềm năng về rừng, đất đai màu mỡ, nguồn tài nguyên dưới lòng đất, Transilvania có nhiều đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi gia súc, đất đai màu mỡ rất tốt cho trồng lúa mì, các mỏ khoáng sản phong phú).

Là một nước có thế mạnh về nông nghiệp, hàng nông sản của Rumani nổi tiếng ở châu Âu trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX (lúa mì, thịt bò, thịt cừu...) tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thu nhập quốc dân. Từ sau năm 1918, tận dụng về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú (dầu mỏ, khí đốt, quặng sắt, than đá, chì, đồng, vàng, muối...), Rumani đã đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa. Trong những năm 20 của thế kỉ trước, nhiều nhà máy, xí nghiệp công nghiệp lớn đã được thành lập như Malaxa, Công nghiệp hàng không (IAR), Mocionita, các khu liên hợp lọc dầu ở Astra Română, Vega, Romano - Americană, Concordia...

Bảng 1: Dân số, diện tích các vùng lãnh thổ hợp thành nước Đại Rumani vào năm 1930

Tên lãnh thổ	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	Tỉ lệ (%)
Rumani	18.052.896	295.049	100
Oltenia	1.519.389	24.078	8,2
Muntenia	4.028.303	52.505	17,8
Dobrogea	811.332	23.262	7,9
Moldova	2.427.498	38.058	12,9
Basarabia	2.863.409	44.422	15,1
Bucovina	853.524	10.442	3,5
Transilvania	3.217.677	62.229	21,1
Banat	941.521	18.715	6,3
Crisana - Maramures	1.390.243	21.338	7,2

Nguồn: Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, tập 8, Nxb. Bách khoa, Bucaret, 2003, tr. 32

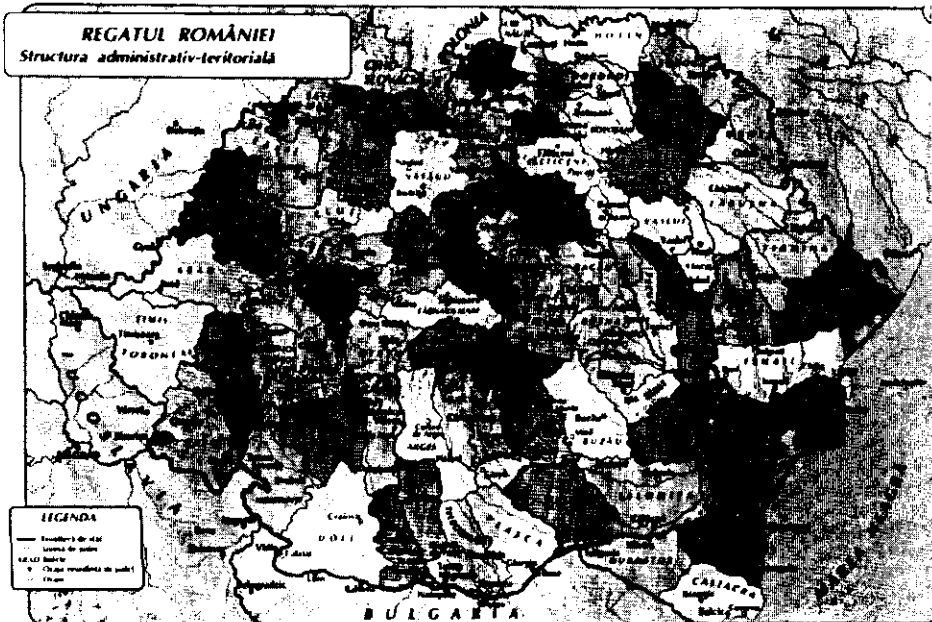
những doanh nghiệp này đã đạt được trình độ kỹ thuật quốc tế. Máy bay IAR do Rumani chế tạo đã đạt được những thành tựu kỹ thuật cao, xếp thứ 2, thứ 3 trên thế giới về tốc độ và phạm vi hoạt động.

Trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới đã diễn ra sự thay đổi quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Vào năm 1938, các ngành kinh tế như, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thông tin bưu điện, thương mại đã đóng góp 69,8% tổng sản phẩm xã hội, chiếm 61,5 % thu nhập quốc dân (13), vượt qua ngành kinh tế nông nghiệp truyền thống. Chỉ số này cho thấy, quá trình chuyển biến từ một nước nông nghiệp thành một nước công - nông nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ ở nước Đại Rumani. Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất, số lượng và chất lượng sản phẩm cũng diễn ra mạnh mẽ trong nội bộ nền kinh tế công nghiệp Rumani. Cụ thể, công

ngiệp hóa chất (bao gồm cả hóa dầu) chiếm 62% tổng giá trị công nghiệp Rumani; tiếp theo là ngành luyện kim - 8%, dệt may - 6 %, da - 5 %, chế biến lương thực, thực phẩm - 4 % (14).

Quá trình đô thị hóa của nước Đại Rumani trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 - 1939) cũng diễn ra khá mạnh, biểu hiện thông qua việc tăng số dân sống ở các thành phố. Nếu như năm 1919, số dân thành thị là 2.087.612 người, thì đến năm 1939 con số này là 3.621.666 người. Theo kết quả của cuộc điều tra dân số năm 1930, Rumani có 6 thành phố có trên 10 vạn dân, đứng đầu là Thủ đô Bucaret (Bucuresti) với 66,4 vạn dân, là thành phố lớn nhất khu vực Đông Nam châu Âu (15), được mệnh danh là "Tiểu Pari" nhờ kiến trúc hiện đại của các tòa nhà, các đại lộ thoáng rộng và có hệ thống chiếu sáng, những cửa hàng bán hàng xa

Vương quốc Đại Rumani (România Mare, 1918-1940) - Cấu trúc hành chính - lãnh thổ



Nguồn: Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, tập 8, Nxb. Bách khoa, Bucaret, 2003, PL 1

xì, nhất là có nhiều trường đại học, viện nghiên cứu khoa học và văn hóa có tiếng ở khu vực và trên bình diện châu Âu.

Giống như nhiều nước châu Âu khác, tuy phải gánh chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, song năm 1938 lại được coi là *"năm đỉnh cao trong phát triển kinh tế của Rumani trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế kỉ XX"* (16).

Trong hơn 2 thập niên tồn tại của nước Đại Rumani, nền kinh tế Rumani đã có những bước tiến quan trọng trên con đường tư bản chủ nghĩa, công cuộc hiện đại hóa và công nghiệp hóa đã thu được nhiều thành tựu so với trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất. Mặc dù vậy, chênh lệch về trình độ phát triển giữa Rumani và các nước châu Âu tiên tiến là rất lớn. So với các nước công nghiệp hóa cùng thời gian này, về năng suất lao động của một công nhân Rumani trong các lĩnh vực công nghiệp thấp hơn từ 2 đến 3 lần, trong nông nghiệp thấp hơn từ 3 đến 7 lần (17). Bình quân thu nhập đầu người hằng năm của Rumani xếp ở mức độ thấp so với nhiều nước châu Âu, chỉ đạt 76 đô la Mĩ, trong khi Anh là 378 đô la Mĩ, Đức - 337 đô la Mĩ, Pháp - 236 đô la Mĩ, Ba Lan - 104 đô la Mĩ, Hy Lạp - 80 đô la Mĩ, Bungari - 68 đô la Mĩ (18).

Có thể lý giải trình độ lạc hậu của nền kinh tế của Rumani so với các nước châu Âu tiên tiến là do nguyên nhân cơ bản sau: Kể từ khi giành được độc lập năm 1878, quá trình công nghiệp hóa của Rumani diễn ra muộn và gặp rất nhiều khó khăn, liên tục chịu sự tác động tiêu cực của chiến tranh và khủng hoảng kinh tế thế giới trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, trong khi các nước tư bản Tây Âu đã

tiến hành công nghiệp hóa từ hơn một thế kỉ trước đó.

Năm 1940, nước Đại Rumani tan vỡ, do nhiều vùng lãnh thổ quan trọng của đất nước bị tước đoạt bởi các thế lực ngoại bang. Cụ thể, ngày 23 tháng 8 năm 1939, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Molotov và Bộ trưởng Ngoại giao Đức Ribbentrop đã kí thỏa thuận không xâm lược lẫn nhau. Trên cơ sở phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Âu, Đức đã để lộ ra rằng nước này không phản đối việc Liên Xô sáp nhập Basarabia. Đây là cơ sở để đến ngày 29 tháng 3 năm 1940, Liên Xô ra tối hậu thư buộc Chính phủ Đại Rumani phải nhượng Basarabia và vùng phía Bắc Bucovina cho Liên Xô, thực hiện ngay việc rút quân và các cơ quan chính quyền (19). Trước sức ép của Đức và Italia, ngày 31 tháng 8 năm 1940, Chính phủ Đại Rumani cũng phải chấp nhận "Phán quyết tại Viên" (Dictactul de la Viena) nhượng cho Hunggari vùng lãnh thổ Đông-Bắc Transilvania (20). Đến ngày 7 tháng 9 năm 1940, Đức còn ép Rumani phải kí Hiệp định Craiova với Bungari (Tratatul de la Craiova), nhượng cho nước này vùng lãnh thổ ở phía Nam Dobrogea (còn được gọi là Cadrilater), đường biên giới giữa Rumani và Bungari trở lại như trước năm 1913.

Hậu quả là, chỉ trong thời gian khá ngắn ngủi (từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1940), nước Đại Rumani tan vỡ do bị mất đi gần một phần ba lãnh thổ và dân số (99.738 km² chiếm 33,8% diện tích, với số dân 6.821.000 người chiếm 33,3% dân số) (21). Bước chuyển từ Vương quốc Rumani (1881 - 1918) thành Vương quốc Đại Rumani (1918 - 1940) cũng như sự sụp đổ của nó đã đưa lại nhiều tác động sâu sắc tới sự phát triển của xã hội Rumani trong suốt thế kỉ XX.

2. Những tác động

a. Sự thay đổi về quan niệm sống của cộng đồng

Nếu trước năm 1918, đời sống chính trị của Rumani có vẻ như là thế giới riêng của các chính trị gia, của các dòng họ lớn và quyền quý, ít thu hút được sự quan tâm chú ý của người dân, thì sau khi quá trình thống nhất quốc gia dân tộc hoàn thành, ở nước Đại Rumani đã diễn ra sự thay đổi trong quan niệm, cách nhìn nhận của người dân về cuộc sống chung của cộng đồng, và điều này sẽ đưa lại những tác động trước mắt cũng như lâu dài đối với xã hội Rumani. Quan niệm sống của cộng đồng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi 3 yếu tố: *sự thống nhất quốc gia dân tộc, hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ Nhất và những cải cách* tiến hành trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Sự thống nhất quốc gia dân tộc đã được hoàn thành nhờ sự tham gia tích cực của đông đảo các tầng lớp nhân dân ở các vùng lãnh thổ mới sáp nhập vào Vương quốc Rumani cũ như Basarabia, Transilvania, Banat, Bucovina. Việc thống nhất các vùng đất lịch sử có đại đa số người Rumani sinh sống với "đất Mẹ Rumani" đã đem lại *tình cảm dân tộc thiêng liêng*, niềm hạnh phúc và tự hào cho mỗi người dân.

Còn đối với Vương quốc Rumani cũ (Moldova và Muntenia), *đời sống tinh thần của người dân lại chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc chiến tranh trong những năm 1916 - 1918* (22). Sau hai năm chiến đấu ngoài mặt trận, sống tập trung trong môi trường quân đội, những người nông dân mặc áo lính - chiếm 80% số binh lính - đã có sự thay đổi quan trọng trong nhận thức của mình: họ hiểu rằng sự hy sinh, vai trò của họ có ảnh hưởng tới vận mệnh của

Rumani, và họ là một lực lượng xã hội quan trọng mà bất kì chính trị gia nào cũng phải tính đến. Nếu trước chiến tranh, những người nông dân chỉ biết tới những nghĩa vụ thuế khóa nặng nề phải gánh chịu trước địa chủ, phải đáp ứng mọi bổn phận trước nhà nước, thì nay trong thời gian chiến tranh, họ là lực lượng đóng vai trò to lớn trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc trước kẻ thù. Trong thời gian chiến tranh, họ cảm nhận sâu sắc về ý thức công dân, về những quyền lợi cũng như nghĩa vụ gắn liền với công dân.

Sau khi chiến tranh kết thúc, từ mặt trận trở về quê hương, những người lính phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về vật chất: nhà cửa bị phá hủy, cuộc khủng hoảng lương thực, thực phẩm leo thang, giá cả cuộc sống đắt đỏ... Bên cạnh đó, người lính từng gánh chịu nhiều hi sinh mất mát trong chiến tranh phải gánh chịu cả sự khinh miệt của những kẻ "giàu có trong chốc lát" nhờ chiến tranh, nhờ đầu cơ tích trữ, bây giờ chúng nhìn họ với ánh mắt thương hại.

Có thể nói, khi hòa bình lập lại, đối với nhiều người nông dân mặc áo lính, nước Đại Rumani có vẻ không phải là một người mẹ tốt đối với tất cả mọi đứa con. Hậu quả là, ngay trong năm 1918, đã xuất hiện sự bất mãn ngày càng lớn trong xã hội đối với bộ phận lãnh đạo đất nước, bị kết tội phải chịu trách nhiệm về những nỗi bất hạnh mà dân chúng đang gánh chịu.

Yếu tố thứ ba có tác động sâu sắc tới đời sống tinh thần của người dân nước Đại Rumani là *tác động của những cải cách* mà chính phủ Rumani tiến hành trong thời gian chiến tranh cũng như sau đó. Việc Rumani tham gia chiến tranh cạnh phe Hiệp ước năm 1916, những sự kiện diễn ra ở nước Nga năm 1917, mong muốn tạo ra

một viễn cảnh tốt đẹp đối với những người Rumani đang sống tại các vùng lãnh thổ chịu sự thống trị của các thế lực ngoại bang, sẽ có sự "đổi đời" sau khi gia nhập Vương quốc, tất cả đã khiến cho Quốc hội lập hiến Rumani tụ họp tại Iasi đã quyết định vào tháng 6 năm 1917 phải tiến hành những cải cách sâu rộng: *thực hiện phổ thông đầu phiếu cho tất cả nam giới từ 21 tuổi trở nên* và quốc hữu hóa đất đai của những địa chủ có trên 100 ha, *tiến hành cải cách ruộng đất* nhằm đem lại ruộng đất cho nông dân nghèo. Hai cải cách này bắt đầu thực hiện từ tháng 11 và tháng 12 năm 1918 đã có nhiều tác động tới sự phát triển của xã hội Rumani trong giai đoạn giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Việc thực hiện phổ thông đầu phiếu cho tất cả nam giới vào tháng 11 năm 1918 đã khiến cho đời sống chính trị của nước Đại Rumani trở nên sôi động hơn rất nhiều so với giai đoạn trước chiến tranh. Nếu như năm 1914, số cử tri Rumani chỉ khoảng 10 vạn, thì năm 1926 số này tăng lên tới khoảng 3,5 triệu, năm 1937 là 4,5 triệu. Đáng chú ý là nếu như năm 1914, một đại biểu quốc hội chỉ do 400 cử tri lựa chọn thì đến năm 1920, con số này là 50.000 (23).

Từ cuối năm 1918, quá trình quốc hữu hóa ruộng đất đối với những địa chủ nắm quyền sở hữu diện tích trên 100 ha cũng được xúc tiến, tạo cơ sở để năm 1920 chính phủ Rumani tiến hành cấp đất cho nông dân. Cải cách ruộng đất đã được hợp pháp hóa bằng các đạo luật cải cách nông nghiệp trong những năm 1920 - 1921 (24). Trên toàn bộ lãnh thổ nước Đại Rumani, khoảng 6,6 triệu ha đất đã được quốc hữu hóa, trong đó 4,5 triệu ha đã được chia cho nông dân, số còn lại trở thành đất công hoặc các trang trại hiện đại thuộc quyền quản lý của

nhà nước. Tính đến năm 1937, có 1.393.353 số hộ nông dân Rumani đã được cấp đất, hưởng lợi trực tiếp từ những cải cách nông nghiệp (25).

Sự chuyển đổi chế độ sở hữu ruộng đất này đã có tác động mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội nước Đại Rumani. Vị thế của giai cấp địa chủ giảm đáng kể, Đảng Bảo thủ gần như biến mất trên chính trường. Sự gia tăng đội ngũ những người nông dân tư hữu nhỏ đã đặt cơ sở vững chắc cho sự ra đời và phát triển của các chính đảng của giai cấp nông dân như, Đảng Nông dân (Partidul Tărănesc) hay Đảng Nông dân - Dân tộc (Partidul National - Tărănesc).

Cải cách ruộng đất đã đưa đến những thay đổi quan trọng trong nông nghiệp và nông thôn nước Đại Rumani. Cải cách đã cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân - bộ phận chiếm đa số trong thành phần dân cư. Từ những người nông dân phụ thuộc trước chiến tranh, giờ đây những người nông dân trở thành những hộ nông dân tư hữu nhỏ, có sự độc lập tương đối về kinh tế. Những cải thiện về kinh tế, việc nâng cao đời sống vật chất còn giúp cho những người nông dân giành được sự độc lập về chính trị. Nếu trước chiến tranh, vai trò của nông dân trong đời sống chính trị của đất nước rất hạn chế, trong quá trình tham gia bầu cử, một bộ phận ít ỏi nông dân có quyền bầu cử luôn phải chịu áp lực từ các địa chủ phải bỏ phiếu cho một số ứng cử viên nào đó, thì sau năm 1918, những lá phiếu của khu vực bầu cử số 3 - giai cấp nông dân - ngày càng đóng vai trò quan trọng, và nông dân cũng đã nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của những lá phiếu bầu mà họ có trong tay.

b. Những thay đổi trong đời sống chính trị

Sau năm 1918, với việc thực hiện chế độ phổ thông đầu phiếu cho tất cả nam giới từ 21 tuổi trở nên đã có tác động mạnh mẽ tới đời sống chính trị nước Đại Rumani. Nếu trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất, do số cử tri còn hạn chế nên trong các chiến dịch tranh cử các ứng cử viên đại biểu quốc hội có thể đi tiếp xúc, vận động từng cử tri để họ bỏ phiếu cho mình. Và thậm chí, đội ngũ "các ủng hộ viên chuyên nghiệp" mang tính chất xã hội đen của một số ứng viên còn sẵn sàng sử dụng vũ lực để "uy hiếp" những cử tri cứng đầu cứng cổ, không biết điều. Tuy nhiên, sau chiến tranh, khi số cử tri tăng lên gấp vài trăm lần, các ứng cử viên không còn đủ sức đi vận động từng người như trước nữa. Trung tâm của các cuộc vận động tranh cử đã chuyển từ thành thị về các làng quê và nông dân đã trở thành lực lượng cử tri đông đảo nhất, giữ vai trò quyết định đến sự thành bại của các ứng viên. Trong điều kiện tranh cử mới, các ứng cử viên tranh cử vào quốc hội tiến hành hàng loạt cuộc vận động bầu cử con thoi nhằm tiếp xúc cử tri ở hai ba khu vực khác nhau trong khu vực bầu cử của mình, có 2 - 3 bài diễn thuyết mỗi ngày, đưa ra những lời lẽ tranh cử hùng hồn nhất, hứa hẹn nhiều điều mỹ dân hồng lấy lòng cử tri.

Hệ thống các đảng phái chính trị cũng có sự thay đổi căn bản. Trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất, trong đời sống chính trị của Vương quốc Rumani chỉ có hai đảng chủ yếu thay nhau cầm quyền, *Đảng Tự do - Dân tộc* (Partidul National - Liberal) và *Đảng Bảo thủ* (Partidul Conservator). Tuy nhiên, sau khi nước Đại Rumani ra đời, hệ thống các đảng phái chính trị đã trở nên hoàn chỉnh hơn và năng động hơn (26). Các đảng phái tranh đấu kịch liệt với nhau để vào quốc hội giành quyền đứng ra thành

lập chính phủ hoặc tham gia vào liên minh cầm quyền. Chế độ đại nghị đã hoạt động theo cơ chế của riêng nó. Vậy đâu là lí do đưa lại sự thay đổi quan trọng này? Theo chúng tôi có mấy nguyên nhân cơ bản sau: Việc tăng số lượng cử tri đã khiến hàng triệu công dân nước Đại Rumani bị lôi cuốn vào đời sống chính trị của đất nước - một việc chưa từng tồn tại trong lịch sử Rumani thời Cận đại; Những vấn đề mới liên quan tới sự phát triển kinh tế - xã hội Rumani sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất cũng đã thu hút được sự chú ý "đặc biệt" của đông đảo các tầng lớp nhân dân; Đặc biệt là do tác động của những thay đổi trong "quan niệm sống của cộng đồng"; Tham vọng của một số chính trị gia...

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, vai trò của các đảng phái chính trị trên chính trường Rumani có những thay đổi lớn so với giai đoạn trước đó. Đảng Bảo thủ bị loại ra khỏi đời sống chính trị của đất nước, năm 1922 không có một ứng cử viên nào của đảng trúng cử vào quốc hội. Những chính trị gia có tư tưởng "tự do" cũng trải qua một thời kì khó khăn do sự giảm sút uy tín trong xã hội. Năm 1919, Đảng Tự do - Dân tộc tuy là đảng cầm quyền song cũng không giành được chiến thắng trong cuộc bầu cử Quốc hội - và đây là việc hiếm khi xảy ra trong đời sống chính trị Rumani cho đến thời điểm đó.

Trong khi các đảng phái truyền thống như Đảng Bảo thủ và Tự do - Dân tộc, những đảng từng nhiều năm là đảng cầm quyền và có công lao to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập và hoàn thành thống nhất quốc gia ngày càng mất uy tín trong con mắt cử tri thì một bộ phận quan trọng trong dân chúng Rumani lại đặt niềm tin và hy vọng của mình vào tướng Averescu, người được coi là kẻ thù không đội trời

chung của Đảng Tự do - Dân tộc cầm quyền, nhất là cá nhân cựu Thủ tướng I.C. Brătianu. Tướng Averescu bị coi là nạn nhân của các chính trị gia “tự do”, khi họ không ủng hộ ông giữ chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội Rumani. Những người ủng hộ tướng Averescu cho rằng ông là người “có khả năng” giải quyết được những bế tắc của xã hội Rumani khi đó. Tháng 4 năm 1918, Averescu thành lập *Liên đoàn Nhân dân* (Liga Poporului) và tung ra khẩu hiệu: “*Những trách nhiệm!*” (Răspunderile!), đòi phải trừng phạt những người có tội để cho Rumani sau hai năm trung lập (1914 - 1916) song lúc tham chiến bên cạnh phe Hiệp ước vẫn không có một quân đội được chuẩn bị chu đáo và được trang bị vũ khí tiên tiến, Chính phủ của Thủ tướng I.C. Brătianu còn bị kết tội phải chịu trách nhiệm về những mất mát “vô ích” trong chiến dịch quân sự năm 1916, cũng như cách thức rút lui ra khỏi Moldova (trong khi rất nhiều trẻ em từ 12-14 tuổi chết vì kiệt sức do đi bộ thì rất nhiều toa tàu của chính phủ lại chất đầy những vò rượu vang của giới quan chức và quyền quý!). Tướng Averescu hứa hẹn một chế độ mới, thành lập trên cơ sở “*lao động, trung thực và hợp pháp*” (“muncă, cinste, legalitate”) sẽ tôn trọng mỗi cá nhân, không phân biệt thành phần xã hội xuất thân. Nắm bắt được nguyện vọng cháy bỏng của giai cấp nông dân về ruộng đất, tướng Averescu hứa cấp cho mỗi gia đình nông dân 5 ha đất.

Việc tuyên truyền những ý tưởng và lời hứa mang tính mị dân của tướng Averescu trong bối cảnh xã hội Rumani đang tồn tại nhiều bất mãn của dân chúng đã tạo ra một hiệu ứng đặc biệt, đưa đến sự hình thành một “huyền thoại” (un “mit”) Averescu - một viên tướng dũng cảm, gần gũi với binh lính cùng với họ chịu đựng mọi

sự vất vả, thiếu thốn và hy sinh ngoài mặt trận. Tướng Averescu tỏ ra như là “người duy nhất” có khả năng giải quyết được những khó khăn mà nước Đại Rumani phải đối mặt sau chiến tranh.

Tuy nhiên, trên thực tế, thời gian gần hai năm tồn tại của Chính phủ Averescu (13 tháng 3 năm 1920 đến 13 tháng 12 năm 1921) đã cho thấy những lời hứa hẹn của tướng Averescu không dễ gì thực hiện (cải cách nông nghiệp mà chính phủ Averescu tiến hành không đem lại được cho mỗi gia đình nông dân 5 ha ruộng đất; sự “trung thực” và “hợp pháp” trong hoạt động của bộ máy nhà nước chỉ ở trên giấy tờ; việc truy cứu trách nhiệm của những người phải chịu trách nhiệm về việc để những mất mát “vô ích” trong thời gian chiến tranh bị rơi vào quên lãng... (27).

Một trong những thay đổi quan trọng trong đời sống chính trị nước Đại Rumani so với giai đoạn trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất là *sự đa dạng trong thành phần tham gia chính phủ*. Kể từ khi các vùng đất lịch sử có đại đa số người Rumani sinh sống sáp nhập với “đất mẹ” năm 1918, đại diện của Basarabia, Transilvania, Bucovina đã tham gia vào chính phủ thống nhất dân tộc. Đáng chú ý là vào ngày 1 tháng 12 năm 1919 - kỉ niệm 1 năm ngày thống nhất Transilvania với vương quốc Rumani, một chính trị gia tiêu biểu của vùng Transilvania là Alexandru Vaida - Voevod đã được vua Ferdinand I bổ nhiệm làm Thủ tướng Chính phủ. Hoạt động lãnh đạo và điều hành của chính phủ thống nhất dân tộc đã bao trùm lên toàn bộ lãnh thổ quốc gia trên tất cả các lĩnh vực: hành chính, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Việc thông qua các quyết định quan trọng đều được dựa trên sự nhất trí cao của tất cả các bộ trưởng trong chính phủ, không phân

biệt người đó xuất thân từ khu vực lãnh thổ nào. Từ năm 1918 đến năm 1940 có rất nhiều hình thức chính phủ khác nhau đã tồn tại ở nước Đại Rumani: chính phủ của các kĩ thuật gia, chính phủ liên minh giữa các đảng; chính phủ một đảng. Thống kê về hoạt động của các chính phủ Rumani trong những năm 1918 - 1922 cho thấy khoảng hai phần ba các bộ trưởng là những gương mặt mới (28).

c. Nền Quân chủ Lập hiến giai đoạn 1918 - 1939

Việc thực hiện chế độ phổ thông đầu phiếu cho mọi nam giới từ 21 tuổi trở nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị nước Đại Rumani. Trên cơ sở đó, nền Quân chủ Lập hiến đã hoạt động khá sôi động theo cơ chế của riêng nó, tiếp tục phát huy những truyền thống của nền Quân chủ Lập hiến đã tồn tại trong giai đoạn trước đó (từ 1866 đến 1914) (29) như vua bổ nhiệm Thủ tướng chính phủ, đảng giành được đa số ghế trong quốc hội được quyền đứng ra thành lập chính phủ mới, chính phủ phải chịu trách nhiệm trước quốc hội, vai trò triệu tập và giải tán quốc hội của vua... Sau khi quá trình thống nhất nhà nước dân tộc hoàn thành năm 1918, bản Hiến pháp mới ngày 29 tháng 3 năm 1923 (30) đã quy định rất rõ quyền hạn và nghĩa vụ của nhà vua. Điều khoản 88 của Hiến pháp năm 1923 qui định: *"Nhà vua bổ nhiệm và cách chức các bộ trưởng của mình. Vua phê chuẩn và công bố các đạo luật, có thể từ chối việc phê chuẩn các đạo luật. Vua có quyền ân xá chính trị, có quyền giảm án đối với các hình phạt hình sự. Vua không được đình chỉ các hoạt động của cơ quan tư pháp hay can thiệp dưới bất kì hình thức nào đối với hoạt động của các tòa án. Vua bổ nhiệm hay*

công nhận các chức vụ hành chính phù hợp với các đạo luật. Vua không thể tạo ra một chức vụ mới mà không dựa vào một đạo luật đặc biệt. Vua đặt ra các qui định cần thiết nhằm thực thi các đạo luật, song không được thay đổi bất kì nội dung gì hay đình chỉ việc thực thi các đạo luật đó và không được miễn trừ cho bất kì ai việc thi hành chúng. Vua là người đứng đầu quân đội. Vua sẽ ban tặng các hàm cấp quân đội phù hợp với luật pháp. Vua có quyền đúc tiền theo một đạo luật đặc biệt. Vua có quyền kí kết với nước ngoài các hiệp định thương mại, hàng hải... nhưng các hiệp định này phải có được sự ủng hộ và thông qua của các cơ quan lập pháp" (31). Còn điều 87 của Hiến pháp năm 1923 thì chỉ rõ: *"Cá nhân nhà vua là bất khả xâm phạm. Các bộ trưởng của nhà vua phải chịu trách nhiệm chính trị. Không một văn kiện nào của nhà vua có giá trị nếu nó không có chữ kí của một bộ trưởng, và thông qua cách thức này bộ trưởng phải chịu trách nhiệm về văn kiện này"* (32). Hiến pháp năm 1923 đã trao cho các vua dòng họ Hohenzollern - Sigmaringen những đặc quyền trong tổ chức bộ máy nhà nước. Thực tế đời sống chính trị nước Đại Rumani trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới cho thấy sự can thiệp của các vua Ferdinand I (ở ngôi từ 1914 đến 1927) và Carol II (ở ngôi từ 1930 đến 1940) có ảnh hưởng rất lớn đến tính ổn định của các chính phủ. Trong 22 năm tồn tại của Vương quốc Đại Rumani (1918 - 1940) có tới 34 chính phủ được thiết lập (33), thời gian tồn tại trung bình của mỗi chính phủ chỉ khoảng 8 tháng, thậm chí có chính phủ chỉ tồn tại chỉ tồn tại vài tuần hay vài tháng, chỉ có 2 chính phủ (đều của Đảng Tự do) là tồn tại hết nhiệm kì 4 năm. Thời gian ngắn ngủi của các chính phủ cho thấy sự bất ổn trong đời sống

chính trị Rumania, đồng thời khiến chúng ta đặt câu hỏi về *tính hiệu quả* trong hoạt động của các chính phủ.

Việc các đảng phải tìm mọi cách để giành được chiến thắng trong các cuộc tranh cử vào quốc hội đã khiến cho đời sống chính trị nước Đại Rumania diễn biến hết sức phức tạp. Thông qua những hoạt động tuyên truyền rầm rộ, nhiều lãnh tụ các đảng phái đưa ra nhiều lời hứa mang tính mị dân nhằm tranh thủ lá phiếu của cử tri. Trong giai đoạn 1919 - 1929, bức tranh toàn cảnh của đời sống chính trị Rumania cho thấy sự thăng trầm lên xuống của các đảng phái trong các chiến dịch bầu cử là hết sức phong phú. Ví dụ, năm 1920, *Đảng Tự do - Dân tộc* (Partidul National - Liberal) chỉ giành được 6,8 % số phiếu bầu, nhưng đến năm 1922 đảng đã giành tới 60,3% số phiếu, vào năm 1926 lại chỉ giành được 7,3 % số phiếu, một năm sau (1927) lại giành được 61,7 % số phiếu. Sự thăng tiến cũng như tụt dốc ngoạn mục nhất thuộc về *Đảng Nhân dân* (Partidul Poporului): 42,2% năm 1920, 6,5% năm 1922, 52 % năm 1926, và chỉ còn 1,9% năm 1927. Một đảng khác là *Đảng Nông dân - Dân tộc* (Partidul National - Tărănesc) cũng ở trong tình trạng tương tự: năm 1927 giành được 32,1% số phiếu bầu, năm 1928 giành được tới 77,7% số phiếu, song đến năm 1931 lại chỉ giành được 15% (34).

Trong những năm 1927 - 1938, nền Quân chủ Lập hiến ở Rumania chịu nhiều tác động của cuộc khủng hoảng về "người kế vị" của hoàng gia. Việc hoàng tử Carol II - người kế vị của vua Ferdinand I - sẵn sàng từ bỏ quyền thừa kế ngai vàng vào năm 1926 để được kết hôn với người yêu Elena Lupescu đã đưa lại nhiều rắc rối sau đó. Tháng 1 năm 1926, Hoàng tử Carol lên

đường ra nước ngoài sống lưu vong. Ngày 20 tháng 7 năm 1927, vua Ferdinand I băng hà, Hoàng tử Mihai, cháu nội nhà vua quá cố được tuyên bố là vua mới của Rumania khi vừa tròn 5 tuổi. Tuy nhiên, do tham vọng quyền lực nên chỉ một thời gian ngắn sống lưu vong ở nước ngoài, Hoàng tử Carol đã tìm mọi cách quay trở về Rumania, đoạt lại ngai vàng mà ông ta đã "tự nguyện" từ bỏ trước đó. Ngày 6 tháng 6 năm 1930, Hoàng tử Carol trở thành vua nước Đại Rumania với niên hiệu là Carol II. Trong những năm 1930 - 1938, vua Carol II còn trị vì theo tinh thần của bản Hiến pháp năm 1923, lãnh đạo đất nước qua các chính phủ của mình, chế độ đại nghị còn có thể tiếp tục tồn tại. Tuy nhiên, sau cuộc chính biến ngày 10 tháng 2 năm 1938, "Chế độ Độc tài Hoàng gia" (Regimul Dictaturii Regale) đã được thiết lập, các đảng phái chính trị chỉ là trò chơi trong tay nhà vua, chế độ đại nghị bị loại bỏ từng bước trong bối cảnh châu Âu và thế giới đang chìm sâu vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai với tất cả sự khốc liệt của nó.

d. Dân tộc đa số và dân tộc thiểu số

Sau năm 1918, bên cạnh dân tộc Rumania chiếm đa số còn có nhiều nhóm dân tộc thiểu số cùng sinh sống trên đất nước Đại Rumania. Quan niệm của mỗi dân tộc về nhà nước dân tộc thống nhất ra đời năm 1918 là rất khác nhau. Tại cuộc họp của Hội đồng cố vấn đất nước họp ngày 27 tháng 3 năm 1918 một số đại biểu của các nhóm dân tộc thiểu số ở Basarabia bỏ phiếu chống lại việc sáp nhập Basarabia với vương quốc Rumania. Còn ở Bucovina, trong số 100 đại biểu tham dự Hội nghị toàn thể thì có tới 28 đại biểu dân tộc thiểu số. Tại cuộc họp ngày 28 tháng 11, tất cả các đại biểu đều bỏ phiếu tán thành việc sáp nhập Bucovina với Rumania. Trong khi

đó, tình hình tại Transilvania lại hoàn toàn khác, Đại hội nghị dân tộc họp tại Alba Iulia ngày 1 tháng 12 năm 1918 lại là một hội nghị dành riêng cho cộng đồng người Rumani sinh sống ở đây. Vì thế việc các đại biểu bỏ phiếu sáp nhập Transilvania với vương quốc Rumani là điều dễ hiểu. Một thời gian sau đó, các dân tộc thiểu số sinh sống tại Transilvania như Sasi, Svabi, người Do Thái, người Di gan đã ra tuyên bố tán thành Quyết nghị của Đại Hội nghị dân tộc Alba Iulia (35).

Sau khi việc phê chuẩn các văn kiện thống nhất hoàn tất, cư dân của Basarabia, Bucovina và Transilvania đồng loạt được công nhận tập thể là công dân của nước Đại Rumani. Thông qua các sắc lệnh tháng 12 năm 1918 và tháng 5 năm 1919, người Do Thái ở vương quốc Rumani cũ (Moldova và Muntenia) cũng được công nhận là công dân nước Đại Rumani.

Nhà nước Đại Rumani đã triệt để tuân thủ những cam kết về tôn trọng quyền lợi của các dân tộc thiểu số mà nước này kí kết với Hội đồng các cường quốc châu Âu.

Quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả mọi dân tộc sinh sống trên đất nước Đại Rumani - đa số cũng như thiểu số - đã được Hiến pháp năm 1923 thừa nhận. Điều 5 của Hiến pháp chỉ rõ: "*Người Rumani, không phân biệt sự khác biệt về nguồn gốc dân tộc, về ngôn ngữ hay tôn giáo đều được hưởng quyền tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do giáo dục, tự do lập hội và tất cả mọi quyền tự do khác mà pháp luật qui định*" (36). Các đạo luật ban hành sau đó trên tất cả mọi lĩnh vực đều thấm nhuần nguyên tắc: không phân biệt đối xử dựa trên tiêu chí dân tộc. Luật Giáo dục năm 1924 quy định: "Giáo dục cấp tiểu học trong tất cả các trường học của nhà nước sẽ dạy bằng

tiếng Rumani. Ở những xã mà cộng đồng dân cư là dân tộc khác sẽ thành lập các trường học dạy bằng tiếng của dân tộc đó theo số lượng tương ứng với các xã của người Rumani. Trong các trường học này, việc học tiếng Rumani là bắt buộc" (37). Đối với cấp phổ thông trung học, việc thành lập các trường học dạy bằng tiếng dân tộc thiểu số cũng được cho phép, tuy nhiên các môn học như Lịch sử Rumani, Địa lí Rumani và Hướng dẫn Dân sự bắt buộc phải dạy bằng tiếng Rumani. Nhà nước cũng đã tổ chức nhiều khoá học dạy tiếng Rumani miễn phí cho các thầy cô giáo là người dân tộc thiểu số để bồi dưỡng trình độ tiếng Rumani cho họ.

Thừa hưởng những thuận lợi từ các qui định của hiến pháp và Đạo luật Giáo dục, các dân tộc thiểu số sinh sống trên đất nước Đại Rumani đã tích cực tham gia vào đời sống chính trị, cụ thể hóa những quyền và nghĩa vụ công dân của mình. Cụ thể:

Về *chính trị*, các dân tộc thiểu số đã thành lập các chính đảng, thông qua lá phiếu tiến cử đại biểu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh và xã), nhiều thị trưởng các thành phố là người dân tộc thiểu số. Bên cạnh các đảng phái mang đậm nét tính chất "dân tộc" như, *Đảng người Maghiar* (Partidul Marghiar), *Đảng người Đức* (Partidul German)... còn có các đảng phái "đa dân tộc" (ví dụ, Đảng Cộng sản Rumani, thành lập 8-5-1921, đã thu hút được rất nhiều đảng viên là người dân tộc thiểu số) (38).

Về *kinh tế*, các dân tộc thiểu số đã đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế. Thống kê năm 1938 cho thấy, trong tổng số các công ty công nghiệp và thương mại, các dân tộc thiểu số nắm giữ tới 51,51% (trong đó người Do Thái tuy chỉ

chiếm 4,0 % dân số (39) song lại nắm giữ tới 31,14% số công ty tư nhân (40), còn người Rumani chỉ nắm quyền kiểm soát có 48,49% (41).

Về văn hoá - giáo dục, người dân tộc thiểu số tại các vùng lãnh thổ sáp nhập vào lãnh thổ Vương quốc Rumani năm 1918 (Basarabia, Bucovina, Transilvania...) đều không bị phân biệt đối xử, họ có điều kiện gửi con em theo học ở tất cả mọi cấp học. Trong năm học 1934 - 1935, trong các trường đại học của nước Đại Rumani, tỉ lệ sinh viên các dân tộc như sau: người Rumani chiếm 78,2 %, người Do Thái - 14,7%, người Maghiar - 2,4%, người Đức - 1,5%, người Nga - 1,5% (42). Lĩnh vực báo chí và in ấn cũng cho thấy những bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao trình độ văn hóa của các dân tộc thiểu số (trong 22 năm tồn tại của nước Đại Rumani (1918 - 1940) có 9.000 đầu sách tiếng Maghiar được in ấn). Vào năm 1934, ở nước Đại Rumani xuất bản 273 số tạp chí tiếng Maghiar, 170 số tạp chí tiếng Đức, 13 số tiếng Ucraina... (43).

3. Thử lí giải những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của nước Đại Rumani

Theo chúng tôi nước Đại Rumani sụp đổ sau 22 năm tồn tại (1918 - 1940) là do những nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, nước Đại Rumani ra đời năm 1918 là do những nỗ lực của giới chính trị, quân đội và nhân dân Rumani trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất, song *hoàn cảnh quốc tế sau chiến tranh* cũng đóng một vai trò khá quan trọng: sự sụp đổ và tan rã của các cường quốc đế quốc như Nga, Áo - Hung, Ottoman đã tạo điều kiện thuận lợi cho Rumani sáp nhập các vùng

lãnh thổ như Basarabia, Bucovina, Transilvania, Banat. Vì thế, khi *bối cảnh quốc tế và châu lục* thay đổi vào những năm 20 - 30 của thế kỉ XX đã đặt ra không ít thách thức với các chính phủ nước Đại Rumani (cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít; khuynh hướng xét lại; thái độ hai mặt của các cường quốc tư bản dân chủ Anh, Pháp; xu hướng tăng cường chạy đua vũ trang; việc thiết lập các khối đồng minh; kí kết các thỏa thuận bí mật phân chia khu vực ảnh hưởng...) nước Đại Rumani lại trở thành "nạn nhân" và là "con bài" trong tính toán chiến lược của các cường quốc: Liên Xô, Đức, Anh, Pháp (44).

Thứ hai, chính những "điểm yếu", *những hạn chế trong nội bộ nước Đại Rumani* trong suốt 22 năm tồn tại của nó cũng là một trong nguyên nhân cơ bản khiến cho nước Đại Rumani sụp đổ nhanh chóng. Sau năm 1918, việc tăng gấp đôi số dân và diện tích lãnh thổ đã đặt ra rất nhiều thách thức cho chính quyền Rumani dưới góc độ quản lý hành chính, điều hành kinh tế... Sự sáp nhập các vùng đất lịch sử vào Vương quốc Rumani cũ làm nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, tư tưởng, tôn giáo... mà giới chính trị cầm quyền Rumani chưa hề biết, hay không có kinh nghiệm đối mặt. Cuộc khủng hoảng của hoàng gia Rumani cũng góp phần làm cho đời sống chính trị thêm phần rối ren. Sự kiện ông vua "Trung thành" Ferdinand I - người có công đầu trong việc hoàn thành quá trình thống nhất quốc gia dân tộc năm 1918 - mất năm 1927 đã thực sự để lại chỗ trống quyền lực. Sự vô trách nhiệm chính trị của hoàng tử kế vị Carol đã khiến con của người này buộc phải làm vua khi mới chỉ tròn 5 tuổi, và cũng chỉ ở

ngôi được gần 3 năm (từ 27-6-1927 đến 6-6-1930) do tham vọng quyền lực của chính cha mình. Hoàng tử Carol lên ngôi với niên hiệu Carol II đã không giúp nước Đại Rumani đối phó tốt hơn với cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đang bao trùm khắp cả nước mà ngược lại chỉ làm nó tồi tệ hơn. Lòng ham muốn cao độ về quyền lực, sự phóng túng trong đời sống cá nhân, sự tham lam về tiền bạc đã khiến cho vua Carol II đi từ sai lầm này đến sai lầm khác. Sự khủng hoảng chính phủ liên miên trong những năm 30 của thế kỉ trước làm tê liệt đất nước. Sự bạc nhược, yếu đuối của Carol II đã đưa đến "thảm họa dân tộc" khi chấp nhận tất cả mọi tối hậu thư của Liên Xô, Đức và Italia, làm tiêu tan mọi thành quả tốt đẹp mà các đời vua trước tạo dựng.

Chế độ đại nghị bên cạnh mặt tích cực là dân chủ hóa đời sống chính trị, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân thì cũng còn bộc lộ khá nhiều hạn chế: sự tranh giành quyền lực của các đảng phái, các nhóm lợi ích đã khiến cho cử tri "mất phương hướng".

Sự cùng tồn tại của nhiều dân tộc thiểu số trong một lãnh thổ chung, thống nhất đã đặt cho nhà nước Đại Rumani - một nhà nước đa dân tộc - không ít vấn đề phải giải quyết liên quan đến lợi ích của dân tộc đa số (người Rumani) và lợi ích của dân tộc thiểu số (Maghiar, Đức, Nga, Do Thái...). Chúng tôi cho rằng, giới cầm quyền nước Đại Rumani chưa hóa giải được những thách thức đặt ra, và điều này làm nội bộ Rumani bị chia rẽ, nhà nước

dân tộc thống nhất ra đời năm 1918 chỉ là "bánh vẽ" đối với một số dân tộc, một số người dân.

Những cải cách kinh tế - xã hội thực thi trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới không làm giảm được sự phân hóa xã hội, mà ngược lại, làm tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các bộ phận dân cư. Bên cạnh cuộc sống giàu sang và quyền quý của giới thượng lưu là cuộc sống bần hàn của nhiều nông dân và công nhân. Những bất mãn xã hội đã dọn chỗ cho khuynh hướng cực hữu, phát xít nảy sinh và phát triển (sự xuất hiện của Phong trào Bảo vệ Sắt - Garda de Fier).

Tóm lại, mặc dù chỉ tồn tại hơn hai thập kỉ, song sự ra đời và phát triển của nước Đại Rumani có thể coi là đỉnh cao cuộc đấu tranh của nhiều thế hệ người Rumani nhằm thành lập một *nhà nước dân tộc thống nhất độc lập*. Là một nước có vị trí địa - chính trị quan trọng ở khu vực Đông Âu nên Rumani luôn là nơi tranh chấp ảnh hưởng của các cường quốc trong lịch sử, vì vậy, việc bảo vệ thành quả thống nhất năm 1918 không hề đơn giản đối với các chính phủ Rumani giai đoạn 1918 - 1940, đặc biệt trong bối cảnh châu Âu và thế giới đang ở thời điểm "hư chiến". Có lẽ, trong đời sống chính trị và quan hệ quốc tế, số phận các dân tộc nhỏ bé thường trở thành vật hy sinh, đổi chác trong các cuộc tranh chấp ảnh hưởng của các cường quốc. Cuộc đấu tranh để tìm lẽ "công bằng" và sự "bình đẳng" giữa các dân tộc thật không hề dễ chút nào.

CHÚ THÍCH

(1) Vương quốc Rumani ra đời vào tháng 3 năm 1881, gồm Muntenia và Moldova.

(2) Chisinău là thủ phủ của Basarabia - vùng lãnh thổ nằm giữa hai con sông Prut và Nistru vốn

thuộc quyền kiểm soát của công quốc Moldova, sau khi thất bại trong cuộc Chiến tranh Thổ - Nga (1806 - 1812), đế quốc Thổ (Ottoman) buộc phải kí Hòa ước Bucaret (Bucuresti) năm 1812 nhượng quyền kiểm soát Basarabia cho đế quốc Nga. Khi đó, Basarabia có diện tích 45.630 km² với số dân 482.630 người, trong đó đại đa số là người Rumani (Dẫn theo, Ion Bulei, *Lịch sử Rumani sơ giản* (Scurtă istorie a Românilor), Nxb. Meronia, Bucaret, 1996, tr. 56).

(3) Viorica Moisuc, *Basarabia, Bucovina, Transilvania. Sự thống nhất năm 1918. Tư liệu (Basarabia, Bucovina, Transilvania. Unirea 1918. Documente)*, Cục Thông tin công cộng, Bucaret, 1996, tr. 297.

(4) Bucovina là vùng đất nằm ở phía Bắc Rumani, vốn cũng thuộc quyền kiểm soát của công quốc Moldova, song từ năm 1775, vùng đất này bị đế quốc Ottoman (khi đó đang nắm quyền kiểm soát Moldova) cắt nhượng cho đế quốc Áo. Vào năm 1775, Bucovina có diện tích 10.441 km² với số dân 71.750 người, trong đó có 52.750 người Rumani (Dẫn theo, Ion Bulei, sđd, tr. 56).

(5) Viorica Moisuc, sđd, tr. 386.

(6) Công quốc Transilvania - nơi có đại đa số người Rumani sinh sống - trở thành chư hầu của đế quốc Ottoman từ tháng 10 năm 1541. Thất bại trong cuộc chiến tranh Áo - Ottoman, ngày 24 tháng 1 năm 1699, đế quốc Ottoman buộc phải kí hòa ước tại Carlowitz, nhượng lại cho đế quốc Áo quyền kiểm soát Hunggarri và Transilvania (điều khoản 1). Như vậy, kể từ năm 1699, Transilvania chính thức nằm dưới thống trị của đế quốc Áo. Sự kiểm soát Công quốc Transilvania của đế quốc Áo (đế quốc Áo - Hung từ năm 1867) kéo dài đến năm 1918 (Dẫn theo, Nicolae Ciachir, *Lịch sử quan hệ quốc tế từ Hòa ước Vetzphalia (1648) đến thời hiện đại (1947)* (Istoria relatiilor internationale de la pacea Westfalică (1648) până în contemporaneitate (1947), Bucaret, 1996, tr. 21; Ion Bulei, sđd, tr. 48).

(7) Thắng trận trong cuộc chiến giành quyền kiểm soát bán đảo Bancăng (1716 - 1718), đế quốc Áo đã buộc đế quốc Ottoman kí hòa ước Passarowitz vào ngày 21 tháng 7 năm 1718, theo đó, đế quốc Áo đã tước đoạt của đế quốc Ottoman các vùng đất: Banat, Oltenia, Bắc Xecbia bao gồm cả Belgrad, nhờ vậy đế quốc Áo trở thành một "thế lực mới" ở Bancăng (Dẫn theo, Nicolae Ciachir, sđd, tr. 25).

(8) Xem thêm: Đào Tuấn Thành, *Vấn đề lãnh thổ trong quan hệ Rumani - Nga những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX*, trong Tạp chí "Nghiên cứu lịch sử", số 6 (374), 2007, tr. 53 - 65.

(9) Bungari - 103.000 km, Nam Tư - 248.000 km, Hunggari - 93.000 km, Tiệp Khắc - 140.000 km, về diện tích Rumani chỉ đứng sau Ba Lan - 389.000km (Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani* (Istoria României), tập 8, Nxb. Bách khoa, Bucaret, 2003, tr. 31).

(10) Bungari - 5,5 triệu, Nam Tư - 14 triệu, Hunggari - 8,5 triệu, Tiệp Khắc - 14,7 triệu, về dân số, Rumani chỉ đứng sau Ba Lan - 30 triệu (Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sđd, tr. 31).

(11) Tuy các quyết định của Hội nghị hòa bình Pari năm 1919 đều được dựa trên "nguyên tắc dân tộc", song trên thực tế ở hầu hết các nước ở khu vực Trung tâm và Đông - Nam châu Âu đều có sự tồn tại của các dân tộc thiểu số. Cụ thể, dân tộc thiểu số ở một số nước chiếm tỉ lệ khá cao so với Rumani: Bungari - 18,6%, Nam Tư - 22,7%, Hunggari - 10%, Tiệp Khắc - 34,5%, Ba Lan - 31%. Bản thân người Rumani cũng là một trong những dân tộc thiểu số sinh sống tại nhiều nước trong khu vực (ở Nga có 250.000 người, ở Nam Tư - 230.000, ở Bungari - 61.000, ở Hunggari - 24.000, ở Tiệp Khắc - 14.000, ở Anbani - 40.000, ở Hy Lạp - 20.000 (Dẫn theo, Ioan Scurtu, *Một bức chụp X quang xã hội Rumani trong những năm 1918 - 1940. Nước Đại Rumani: "Thiên đường" (tạm thời) đã mất* (O radiografie a societății românești din

1918-1940. România Mare: "Paradisul" (deocamdată pierdut), trong *Những Hồ sơ Lịch sử* (Dosarele Istoriei, số 12 (28), 1998, tr. 17).

(12), (13), (14), (23), (28), (34), (35), (37), (41), (42), (43). Dẫn theo, Ioan Scurtu, Sdd, tr. 17, 18, 18, 19, 21, 23, 24, 25, 25, 25, 25.

(15), (16), (17), (25), (27), (39): Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sdd, tr. 35, 124, 123, 103, 249 - 253, 61.

(18). Victor Axenciuc, *Phân giới thiệu trong lịch sử kinh tế Rumani* (Introducere in istoria economică a României), Bucaret, 1997, tr. 402.

(19). Trong 6 ngày (28 tháng 6 đến 3 tháng 7 năm 1940) nước Đại Rumani đã nhượng lại cho Liên Xô 50.762 km² (Basarabia - 44.500 km² và Bắc Bucovina - 6.262 km²) với số dân 3.776.309 người (trong đó: 53,49% là người Rumani, 10,34% - người Nga, 15,30% - người Ruteni và Ucraina, 7,27% - người Do Thái, 4,9% - người Bungari, 3,31% - người Đức và 5,12% là các dân tộc khác) [Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sdd, tr. 574].

(20). Nước Đại Rumani phải nhượng cho Hunggari vùng phía Đông - Bắc Transilvania có diện tích 43.492 km² với số dân 2,6 triệu người (trong đó 50,2 % là người Rumani, 37,1% - người Maghiar, 5,7 % - người Do Thái, 2,8 % - người Đức, 1,9% - người Digan, 2,3% - người Ruteni, Séc, Xiôvác) [Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sdd, tr. 579].

(21). Dẫn theo, Ioan Scurtu, *Lịch sử Rumani trong những năm 1918 - 1940. Sự tiến triển của chế độ chính trị từ dân chủ đến độc tài* (Istoria României in anii 1918 - 1940. Evolutia regimului de la democratia la dictatură), Nxb. Giáo dục, Bucaret, 1996, tr. 186.

(22). Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất (1914 - 1918), sau hai năm trung lập, vào năm 1916, Rumani mới quyết định tham chiến bên cạnh phe Hiệp ước.

(24). Cụ thể, *Đạo luật cải cách nông nghiệp cho Basarabia* được Quốc hội Rumani thông qua ngày 13 tháng 01 năm 1920; *Đạo luật cải cách nông nghiệp cho Oltenia, Muntenia, Moldova và Dobrogea* được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 07 năm 1921; *Đạo luật cải cách nông nghiệp cho Transilvania, Banat, Crisana, Maramures, và Bucovina* được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 07 năm 1921 (Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sdd, tr. 103).

(26). Trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 - 1939) ở nước Đại Rumani đã tồn tại những đảng phái chính trị chủ yếu sau đây: 1. *Mặt trận Dân cây* (Frontul Plugarilor) thành lập ngày 8 tháng 1 năm 1933; 2. *Mặt trận Khôi phục Quốc gia* (Frontul Renasterii Nationale) thành lập ngày 16 tháng 12 năm 1938; 3. *Mặt trận Rumani* (Frontul Românesc); 4. *Binh đoàn Arhanghelul Mihail* (Legiunea Arhanghelul Mihail) thành lập ngày 24 tháng 6 năm 1927; 5. *Liên đoàn Nông nghiệp* (Liga Agrară) thành lập ngày 10 tháng 3 năm 1929; 6. *Liên đoàn Bảo vệ Thiên chúa giáo - Quốc gia* (Liga Apărării National - Crestine); 7. *Đảng Nông nghiệp* (Partidul Agrar) thành lập 8 tháng 6 năm 1932; 8. *Đảng Cộng sản Rumani* (Partidul Comunist Român) thành lập 8 tháng 5 năm 1921; 9. *Đảng Bảo thủ* (Partidul Conservator) thành lập ngày 18 tháng 3 năm 1932; 10. *Đảng Nông nghiệp - Quốc gia* (Partidul National - Agrar) thành lập ngày 10 tháng 4 năm 1932; 11. *Đảng Thiên chúa giáo - Quốc gia* (Partidul National - Crestin) thành lập ngày 14 tháng 7 năm 1935; 12. *Đảng Tự do - Quốc gia* (Partidul National Liberal) thành lập ngày 24 tháng 5 năm 1875; 13. *Đảng Nông dân - Quốc gia* (Partidul National - Tărănesc) thành lập ngày 10 tháng 10 năm 1926; 14. *Đảng Nhân dân* (Partidul Poporului) thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1918; 15. *Đảng Xã hội - Dân chủ Rumani* (Partidul Social - Democrat din România) thành lập ngày 7 tháng 5 năm 1927; *Đảng Nông dân* (Partidul Tărănesc) thành lập ngày 5 tháng 12 năm 1918; 16. *Đảng Nông dân*

(Partidul Tărănesc) thành lập ngày 20 tháng 2 năm 1927; 17. *Đảng Dân chủ - Nông dân* (Partidul Tărănesc - Democrat) thành lập ngày 6 tháng 5 năm 1931; 18. *Đảng Tự do - Quốc gia* (Partidul National Liberal) thành lập ngày 15 tháng 6 năm 1930; 19. *Đảng Cấp tiến - Nông dân* (Partidul Tărănesc - Radical) (Dẫn theo: I. Alexandrescu, I. Bulei, I. Mamina, I. Scurtu, *Các đảng phái chính trị ở Rumani giai đoạn 1862 - 1994. Biên niên sử* (Partidele politice din România, 1862 - 1994. Enciclopedie), Nxb. Mediaprint, Bucaret, 1995, tr. 17 - 126).

(29). Xem thêm, Đào Tuấn Thành, *Chế độ Quân chủ Lập hiến của Rumani (Giai đoạn 1866 - 1947)*, trong Tạp chí "Nghiên cứu lịch sử", số 2 (333), 2004, tr. 40 - 50.

(30), (31), (32), (36). Ion Mamina, *Chế độ Quân chủ Lập hiến ở Rumani. Biên niên sử chính trị. 1866 - 1938* (Monarhia Constituțională în România. Enciclopedie Politică. 1866 - 1938), Nxb. Bách khoa, Bucaret, 2000, tr. 39-54, 48-49, 48-49, 40.

(33). Trong 22 năm (1918 - 1940) tồn tại của nước Đại Rumani đã thành lập tới 34 chính phủ. Cụ thể như sau: 1. Từ 29 tháng 01 đến 27 tháng 02 năm 1918: Chính phủ *tướng Alexandru Averescu*; 2. Từ 5 tháng 03 đến 24 tháng 10 năm 1918: Chính phủ *Alexandru Marghiloman*; 3. Từ 24 tháng 10 đến 29 tháng 11 năm 1918: Chính phủ *tướng Constantin Coandă*; 4. Từ 29 tháng 11 năm 1918 đến 27 tháng 9 năm 1919: Chính phủ *Ion I. C. Brătianu*; 5. Từ 27 tháng 9 năm 1919 đến 29 tháng 11 năm 1919: Chính phủ *tướng Arthur Văitoianu*; 6. Từ 1 tháng 12 năm 1919 đến 13 tháng 3 năm 1920: Chính phủ *Alexandru Vaida - Voievod*; 7. Từ 13 tháng 3 năm 1920 đến 13 tháng 12 năm 1921: Chính phủ *tướng Alexandru Averescu*; 8. Từ 17 tháng 12 1921 đến 17 tháng 01 năm 1922: Chính phủ *Take Ionescu*; 9. Từ 19 tháng 01 năm 1922 đến 27 tháng 3 năm 1926: Chính phủ *Ion I. C. Brătianu*; 10. Từ 30 tháng 3 năm 1926 đến 4 tháng 6 năm 1927: Chính phủ *tướng Alexandru Averescu*; 11. Từ 4 đến 20 tháng

6 năm 1927: Chính phủ *Barbu Stirbei*; 12. Từ 21 tháng 6 năm 1927 đến 3 tháng 11 năm 1928: Chính phủ *Ion I. C. Brătianu* (từ 21 tháng 6 đến 24 tháng 11 năm 1927) và *Vintilă I. C. Brătianu* (từ 24 tháng 11 năm 1927 đến 3 tháng 11 năm 1928); 13. Từ 10 tháng 11 năm 1928 đến 7 tháng 6 năm 1930: Chính phủ *Iuliu Maniu*; 14. Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1930: Chính phủ *Gheorghe Gh. Mironescu*; 15. Từ 13 tháng 6 đến 8 tháng 11 năm 1930: Chính phủ *Iuliu Maniu*; 16. Từ 10 tháng 11 năm 1930 đến 4 tháng 4 năm 1931: Chính phủ *Gh. Mironescu*; 17. Từ 18 tháng 4 năm 1931 đến 31 tháng 5 năm 1932: Chính phủ *Nicolae Iorga*; 18. Từ 6 tháng 6 đến 11 tháng 8 năm 1932: Chính phủ *Alexandru Vaida - Voievod*; 19. Từ 11 tháng 8 đến 17 tháng 11 năm 1932: Chính phủ *Alexandru Vaida - Voievod*; 20. Từ 20 tháng 11 năm 1932 đến 12 tháng 1 năm 1933: Chính phủ *Iuliu Maniu*; 21. Từ 14 tháng 1 đến 9 tháng 11 năm 1933: Chính phủ *Alexandru Vaida - Voievod*; 22. Từ 14 tháng 11 năm 1933 đến 3 tháng 1 năm 1934: Chính phủ *Ion. G. Duca* (14/11 - 29/12 năm 1933) và *C. Angelescu* (29/12/ 1933 - 3/1/1934); 23. Từ 5 tháng 1 đến 1 tháng 11 năm 1934: Chính phủ *Gheorghe Tătărescu*; 24. Từ 2 tháng 10 năm 1934 đến 29 tháng 8 năm 1936: Chính phủ *Gheorghe Tătărescu*; 25. Từ 29 tháng 8 năm 1936 đến 14 tháng 11 năm 1937: Chính phủ *Gheorghe Tătărescu*; 26. Từ 17 tháng 11 đến 28 tháng 12 năm 1937: Chính phủ *Gheorghe Tătărescu*; 27. Từ 29 tháng 12 năm 1937 đến 10 tháng 2 năm 1938: Chính phủ *Octavian Goga*; 28. Từ 10 tháng 2 đến 30 tháng 3 năm 1938: Chính phủ *Miron Cristea*; 29. Từ 30 tháng 3 năm 1938 đến 1 tháng 2 năm 1939: Chính phủ *Miron Cristea*; 30. Từ 1 tháng 2 đến 28 tháng 9 năm 1939: Chính phủ *Miron Cristea* (1/2 - 6/3), Chính phủ *Armand Călinescu* (7/3 - 21/9); 31. Từ 28 tháng 9 đến 23 tháng 11 năm 1939: Chính phủ *Constantin Argetoianu*; 32. Từ 24 tháng 11 năm 1939 đến 11 tháng 5 năm 1940: Chính phủ *Gheorghe Tătărescu*; 33. Từ 11 tháng 5 đến 4 tháng 7 năm 1940: Chính phủ *Gheorghe*

Tătărescu; 34. Từ 4 tháng 7 đến 4 tháng 9 năm 1940: Chính phủ *Ion Gigurtu* (Dẫn theo, Ioan Scurtu, sđd, tr. 19).

(38). Năm 1933, Đảng Cộng sản Rumani có 1665 đảng viên, trong đó, có 440 người Maghiar (Hunggari), 375 người Rumani, 300 người Do Thái, 140 người Bungari, 100 người Nga, 70 người Ucraina, 70 người "Moldova" (Basarabia), 170 người các dân tộc khác (Dẫn theo, Ioan Scurtu, sđd, tr. 25).

(40). Bảng thống kê sau đây cho thấy tỉ lệ so sánh về thế lực kinh tế giữa người Rumani và người Do Thái tại các vùng lãnh thổ của nước Đại Rumani:

Vùng lãnh thổ	Người Rumani (%)	Người Do Thái (%)
Oltenia	92,55	3,72
Muntenia	76,95	14,91
Moldova	40,65	56,12
Basarabia	17,61	63,17
Bucovina	14,65	77,01
Transilvania	36,15	26,78
Banat	47,36	19,69
Crisana	21,22	28,40

Nguồn: Dẫn theo, Viện Hàn lâm Rumani, *Lịch sử Rumani*, sđd, tr. 61.

(44). Xem thêm, Đào Tuấn Thành, *Tìm hiểu bối cảnh tham gia của Rumani trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai*, trong Tạp chí "Nghiên cứu châu Âu", số 5 (65), 2005, tr. 33 - 42.

NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX...

(Tiếp theo trang 52)

(9). L.E. Louvet, *Cochinchine Religieuse*. Tome Second. Paris: Missionnaire Apostolique de La Congrégation des Missions Étrangères, 1885, p. 164; Linh Mục Mattheu Duc, *Hạnh cha Minh và lái Gấm tử đạo là hai vị Á thánh Thứ nhất địa phận Nam Kỳ* (Father Cha and the trader Gam, first two second level saints who sacrificed for religion). Saigon: Imprimerie de La Mission à Tan Dinh, 1902, pp. 81; 83; 84; 89; 94.

(10). Choi, Byung Wook, "Vietnamese Court Vessel Trade in Southeast Asia during the First Half of the 19th Century (1823-1847)," *Journal of Asian Historical Studies* No. 70, 2000, p. 192. Trong những hành trình từ những năm 1839-1844 thì bốn con thuyền hơi đã được mua, và những con

thuyền này đã được những kỹ sư cơ khí người Việt lắp ráp lại tại Huế. pp. 181-184.

(11). Châu Bản, 10/July/1835 (lunar), microfilm, Menzis Library, ANU.

(12). *Đại Nam Thực Lục Chính-Biên Độ Nhị Kỷ*, 63:2a.

(13). Choi, Byung Wook, "The "Licentiousness" of the 19th Century Southern Vietnamese. Women, and Its Implication," *The Southeast Asian Review* Vol. 14 No. 2, 2004, pp. 191-193.

(14). Choi, Byung Wook, "Commercial Activities of Women in the History of Vietnam: From the Village to the Ocean," *Journal of Asian Historical Studies* No. 96, 2006, p. 163.